

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO

Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ

Ngày 05/5/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Nhằm kịp thời thông tin tuyên truyền đến người nộp thuế trên địa bàn tỉnh cập nhật chính sách thuế mới, Cục Thuế tỉnh An Giang thông báo đến người nộp thuế một số điểm mới của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

1. Một số điểm mới của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP

a) Các trường hợp miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

- Bổ sung 03 trường hợp nước thải sinh hoạt được miễn phí bảo vệ môi trường:

+ Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã.

+ Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch.

+ Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác sử dụng.

- Một số trường hợp miễn phí theo quy định trước đây tiếp tục áp dụng:

+ Nước xả từ các nhà máy thủy điện.

+ Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra.

+ Nước làm mát (theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường) không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng.

+ Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn.

- + Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân.
- + Nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị (theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải) đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

b) Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

* **Đối với nước thải sinh hoạt (không thay đổi so quy định cũ):** Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

* **Đối với nước thải công nghiệp:**

- Cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau:

+ Năm 2020, áp dụng mức phí 1.500.000 đồng/năm.

+ **Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau:**

Số TT	Lưu lượng nước thải bình quân (m ³ /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

- Cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20 m³/ngày trở lên: phí tính theo công thức sau: F = f + C.

Trong đó:

+ F là số phí phải nộp.

+ f là mức phí cố định: 1.500.000 đồng/năm (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi là 4.000.000 đồng/năm);

+ C là phí biến đổi, tính theo: tổng lượng nước thải ra, hàm lượng thông số ô nhiễm của từng chất có trong nước thải và mức thu đổi với mỗi chất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị định.

2. Tổ chức thu phí

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc diện quản lý trên địa bàn.

- Tổ chức cung cấp nước sạch thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nguồn nước sạch do mình cung cấp.

3. Kê khai, nộp phí

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

Trường hợp sử dụng nước từ tổ chức cung cấp nước sạch

- Người nộp phí thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cùng với thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hóa đơn bán hàng cho tổ chức cung cấp nước sạch.

- Tổ chức thu phí thực hiện:

+ Mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Mở sổ sách kế toán theo dõi riêng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; không hạch toán vào doanh thu hoạt động kinh doanh số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước.

+ Hàng tuần, nộp số thu phí thu được vào tài khoản tạm thu phí. Hàng tháng, chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo, tổ chức thu phí nộp số tiền phí trên tài khoản tạm thu phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

+ Tổ chức thu phí kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

- Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m³/ngày trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này) với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi

trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới $20\text{ m}^3/\text{ngày}$ (nộp phí cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này), người nộp phí thực hiện:

+ Kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này), thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động.

+ Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của tổ chức thu phí trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

Văn bản Nghị định số 53/2020/NĐ-CP được đăng tải trên website của Cục Thuế (<http://angiang.gdt.gov.vn>) và gửi qua email của doanh nghiệp.

Cục Thuế thông báo đến doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh

. An Giang được biết. Trường hợp có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ Cục Thuế (Phòng Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế) qua số điện thoại; 02963.841623 hoặc email: hotrothueangiang@gmail.com để được hướng dẫn, giải đáp cụ thể./. PLM

Nơi nhận:

- NNT trên địa bàn tỉnh;
- BLĐ Cục Thuế;
- CCT TP, khu vực;
- Cổng TT của tỉnh An Giang;
- Website: <http://angiang.gdt.gov.vn>;
- Lưu: VT, TTHT. (650b - email) PLM



Nguyễn Trí Dũng